

Bản án số: 57/2025/HS-PT
Ngày 14 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hùng - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 1089/2024/TLPT-HS ngày 04/11/2024 đối với bị cáo Trần Minh H; Do có kháng cáo của bị cáo Trần Minh H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2024/HS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1239/2024/QĐXXPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024.

- Bị cáo có kháng cáo: Trần Minh H (tên gọi khác: không); Giới tính: Nam; Sinh ngày: 09/11/1965, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số E khu phố D, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: K khu dân cư B, Khu phố A, phường B, TP B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Giảng viên Trường Đại học Đ; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đ1, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 249-QĐ/UBKTTU ngày 19/6/2023 của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đ2; Con ông Trần Văn B, sinh năm 1930, đã mất và bà Bùi Thị C, sinh năm 1930; Gia đình bị cáo có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Có vợ Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1975, giáo viên. Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang thi hành biện pháp ngăn chặn tạm giam trong vụ án “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh H: Luật sư Nguyễn Tiến D thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Quốc T, Phan Văn T1, Phan Văn T2; người có quyền lợi, nghĩa vụ, liên quan bà Trần Thị Kim T3 không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quốc T, Phó Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp, Sở Tài chính tỉnh Đ, là Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực tài chính kế toán; Phan Văn T1, cán bộ nghỉ hưu, hành nghề Luật sư; Phan Văn T2, nguyên Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, kiêm Kế toán trưởng trường Đại học Đ là em ruột của Phan Văn T1; Trần Minh H, nguyên Hiệu trưởng trường Đại học Đ. Những người này có mối quan hệ anh em và quen biết nhau.

Ngày 03/8/2022, UBND tỉnh Đ2 có văn bản chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm sang Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, với nội dung trên cơ sở Kết luận thanh tra xác định trường Đại học Đ kê khai thiếu, đề ngoài sổ sách kế toán doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018, có dấu hiệu của hành vi trốn thuế, trách nhiệm chính thuộc về Phan Văn T2, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính kiêm Kế toán trưởng, Trần Minh H - Hiệu trưởng và các cá nhân liên quan.

Sau khi được phân công tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm nêu trên. Ngày 28/9/2022, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ ra Quyết định trưng cầu giám định số 268/QĐ-ANĐT gửi Sở Tài chính tỉnh Đ yêu cầu giám định sai phạm về kế toán và thuế của trường Đại học Đ niên độ 2018 - 2019. Ngày 30/9/2022, Trần Quốc T được lãnh đạo Sở T phân công giám định theo Quyết định trưng cầu giám định nêu trên.

Do lo sợ trách nhiệm, Phan Văn T2 đã bàn với anh ruột là Phan Văn T1 để tìm cách đối phó nhằm trốn tránh trách nhiệm. Phan Văn T2 biết Cơ quan An ninh điều tra trưng cầu giám định tư pháp về kế toán và thuế của trường Đại học Đ, nên chiều ngày 11/10/2022, Phan Văn T2 dùng số điện thoại 0918402180 gọi cho số điện thoại 0913795126 của Trần Quốc T để hỏi về Giám định viên, T cho biết mình là người được phân công giám định đối với vụ việc. T nhờ T giúp cho việc giám định và nói Trung liên lạc với Phan Văn T1 để trao đổi cụ thể. Sau khi nghe điện thoại của T2, T dùng điện thoại của mình gọi vào số điện thoại 0903887898 của Phan Văn T1 trao đổi về nội dung trưng cầu giám định của Cơ quan An ninh điều tra, T1 nhờ T nghiên cứu để giám định kết quả công tác kế toán và thuế của trường Đại học Đ niên độ 2018 - 2019 không có sai phạm, không gây thiệt hại, giúp cho Phan Văn T2 không phải chịu trách nhiệm đối với những vi phạm đang bị kiểm tra, xác minh. T1 nhờ T gửi cho mình Quyết định trưng cầu giám định và hẹn trưa hôm sau đi ăn để trao đổi trực tiếp.

Sáng ngày 12/10/2022, T dùng điện thoại của mình chụp ảnh Quyết định trưng cầu giám định số 268/QĐ-ANDT rồi gửi đến điện thoại của T1 qua ứng dụng Zalo. Trưa cùng ngày, T đến quán Bên sông C ở phường H, TP B ăn trưa với T1. Tại đây, T1 trao đổi với T về nội dung giám định và tiếp tục nhờ T giúp cho kết quả giám định để Phan Văn T2 và Trần Minh H không phải chịu trách nhiệm đối với những vi phạm về kế toán và thuế của trường Đại học Đ, T1 sẽ cảm ơn T xứng đáng.

Trưa ngày 13/10/2022, Trần Quốc T đến quán Bên sông C ăn trưa với Phan Văn T1 và Trần Minh H. Tại bữa ăn, T1 và H trao đổi và nhờ T giám định cho kết quả công tác kế toán và thuế của trường Đại học Đ niên độ 2018 - 2019 không có sai phạm, không gây thiệt hại, giúp cho Phan Văn T2 và Trần Minh H không phải chịu trách nhiệm đối với những vi phạm đang bị Cơ quan An ninh điều tra kiểm tra, xác minh. Xong việc, T1 và H sẽ đưa tiền cảm ơn T xứng đáng, T nhận lời giúp đỡ. H nhờ T gửi cho mình quyết định trưng cầu giám định. Sáng ngày 14/10/2022, T dùng điện thoại di động của mình gửi ảnh Quyết định trưng cầu giám định số 268/QĐ-ANDT đến điện thoại của H qua ứng dụng Zalo.

Sáng ngày 10/12/2022, Trần Quốc T đến nhà Phan Văn T2 được T2 đưa cho một tập tài liệu và nói bên trong có phong bì tiền gửi cho T, T nhận tập tài liệu rồi đi về. Kiểm tra trong tập tài liệu, T thấy có bì thư đựng 05 triệu đồng, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng. Sau đó, Trần Quốc T chỉ căn cứ vào các tài liệu do Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ cung cấp để giám định mà không yêu cầu Cơ quan An ninh điều tra cung cấp thêm tài liệu để làm rõ vi phạm và bản chất của vụ việc.

Trưa ngày 22/12/2022, Trần Quốc T gọi điện thoại thông báo cho Phan Văn T1 là đã làm dự thảo kết luận giám định với kết quả không có sai phạm, không có thiệt hại xảy ra đối với công tác kế toán và thuế của trường Đại học Đ niên độ 2018 - 2019 như đề nghị của T1, T2 và H. T1 nói T đưa dự thảo kết luận cho T1 xem. Do đó, trưa ngày 23/12/2022, T gọi điện thoại hẹn T1 đến đường Đ, phường H, TP B để đưa bản dự thảo kết luận giám định. Sau khi nhận bản dự thảo kết luận giám định, T1 đưa cho T 01 bì thư bên trong có 10 triệu đồng, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, T nhận tiền rồi đi về.

Ngày 26/12/2022, Trần Quốc T hoàn tất các thủ tục, ban hành Kết luận giám định số 7962/KLGĐ-GĐV với kết quả công tác kế toán và thuế của trường Đại học Đ niên độ 2018 - 2019 không có vi phạm, không có hành vi trốn thuế, không gây thất thoát và thiệt hại cho ngân sách Nhà nước rồi gửi đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ.

Trưa ngày 27/12/2022, Trần Quốc T dùng điện thoại của mình nhắn tin qua ứng dụng Viber cho Trần Minh H nội dung “Em xử lý ký ban hành xong rồi. Mọi việc đều ổn nha anh H”, H nhắn lại “Cảm ơn T nhiều. Xong việc anh em mình gặp”.

Ngày 04/01/2023, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 26/QĐ-ANĐT gửi Sở Tài chính tỉnh Đ yêu cầu giám định sai phạm của trường Đại học Đ các năm 2018 và 2019.

Ngày 06/01/2023, Phan Văn T1 gọi điện thoại cho Trần Minh H nhắc H đưa tiền cho T vì T đã giúp việc giám định có kết quả như đã nhờ trước đó.

Ngày 10/01/2023, Trần Quốc T được lãnh đạo Sở T phân công giám định theo Quyết định trưng cầu giám định bổ sung nêu trên nên T dùng điện thoại của mình nhắn tin qua ứng dụng Viber cho H nội dung cần ít chi phí bồi dưỡng cho sếp, H đồng ý.

Ngày 14/01/2023, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 56/QĐ-ANĐT về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại Điều 356 Bộ luật Hình sự, xảy ra tại trường Đại học Đ.

Sáng ngày 15/01/2023, H hẹn T đến khu vực đối diện cổng Sở Tài chính tỉnh Đ, rồi H lái xe ô tô nhãn hiệu Toyota Camry biển kiểm soát 60A-014.68 đến chỗ hẹn. Tại đây, H đưa cho T 10 triệu đồng, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, được đựng trong bì thư và kẹp vào tờ báo, T nhận tiền rồi đi về.

Ngày 22/02/2023, Phan Văn T1 gọi điện thoại cho Trần Quốc T hẹn ăn trưa tại quán Bên sông C Phố. T nói cho T1 biết việc Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ trưng cầu giám định bổ sung. T1 tiếp tục nhờ T giúp đỡ giám định có lợi cho T2 và H như lần trước, T đồng ý. Khi ra về, T1 đưa cho T một bì thư bên trong có 10 triệu đồng, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, T nhận tiền rồi đi về.

Ngày 01/5/2023, Phan Văn T2 gọi điện thoại cho Trần Quốc T hẹn gặp trước cổng Sở Tài chính, T đi ra thì T2 đưa cho T 01 bộ tài liệu, bên trong kẹp 01 bì thư đựng 02 triệu đồng, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, T nhận rồi đi vào cơ quan. Chiều ngày 06/5/2023, T và T2 hẹn gặp ở trước cổng trường Tiểu học Q, sát bên Sở T. T đi ra gặp T2 và nhận từ T2 01 bộ tài liệu, bên trong kẹp 01 bì thư đựng 02 triệu đồng, loại tiền mệnh giá 500.000 đồng, T nhận rồi đi vào cơ quan.

Ngày 08/6/2023, Trần Quốc T hoàn tất các thủ tục, ban hành Kết luận giám định số 3147/KLGĐ-GĐV với kết quả việc thực hiện, chi thanh toán cho các lớp chức danh nghề nghiệp; thực hiện chi thanh toán tiền công chấm các bài thu hoạch các lớp chức danh nghề nghiệp năm 2018 và 2019 đúng quy định, không làm thất thoát và không thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, rồi gửi đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ. Sau đó, T gọi điện thoại cho Phan Văn T1 thông báo đã ban hành bản Kết luận giám định bổ sung, lúc này, T1 yêu cầu không nói chuyện qua điện thoại mà hẹn gặp T ngoài đường. T đến hẻm ở đường Đ gặp T1, nói cho T1 biết nội dung kết luận giám định bổ sung không có gì khác với bản kết luận giám định trước, không có vấn đề gì, sau đó cả hai đi về.

Ngày 12/5/2023, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ ra Quyết định trưng cầu giám định lại lần thứ nhất số 221/QĐ-ANĐT, trưng cầu Bộ T4 giám định lại về sai phạm trong công tác kế toán và thuế của trường Đại học Đ niên độ 2018 - 2019.

Ngày 12/6/2023, Trần Quốc T đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Ngày 04/8/2023, Bộ T4 có Văn bản số 8250/BTC-TCCB về giám định tư pháp về kế toán và thuế trong vụ án hình sự xảy ra tại trường Đại học Đ, xác định có hành vi sai phạm để ngoài sổ sách kế toán các khoản thu, chi nguồn thu sự nghiệp số tiền 26 tỷ đồng. Trách nhiệm thuộc về Kế toán trưởng, đồng thời, đề nghị Cơ quan An ninh điều tra trưng cầu một số nội dung khác tại cơ quan tài chính địa phương phù hợp với chức năng quản lý Nhà nước trên địa bàn và quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2023, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ ra Quyết định trưng cầu giám định lại lần thứ hai số 400/QĐ-ANĐT, trưng cầu Sở Tài chính tỉnh Đ giám định lại về sai phạm trong công tác kế toán và thuế của trường Đại học Đ niên độ 2018 - 2019. Ngày 09/11/2023, Sở Tài chính tỉnh Đ có Kết luận giám định số 6901/KLGD-GĐV, xác định trường Đại học Đ có nhiều vi phạm về tài chính kế toán, đã gây thiệt hại tổng số hơn 6,2 tỷ đồng. Trách nhiệm đối với các vi phạm nêu trên thuộc về Kế toán trưởng, Hiệu trưởng và các cá nhân ký chứng từ. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ đã khởi tố bị can, bắt tạm giam đối với Phan Văn T2 và Trần Minh H về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”, theo quy định tại Điều 356 Bộ luật hình sự. Hiện vụ án đang được các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đồng Nai giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 6211/CT-VKSTC-V3 ngày 26/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố bị cáo Trần Quốc T về tội danh: “*Nhận hối lộ*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 354 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Phan Văn T1, Phan Văn T2 về tội “*Đưa hối lộ*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 364 Bộ luật hình sự; Trần Minh H về tội “*Đưa hối lộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 206/2024/HS-ST ngày 23/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc T phạm tội “*Nhận hối lộ*”; các bị cáo Phan Văn T2, Phan Văn T1, Trần Minh H phạm tội “*Đưa hối lộ*”.

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; điểm i, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo Trần Minh H.

Xử phạt bị cáo Trần Minh H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Sung công quỹ Nhà nước 01 xe ô tô biển kiểm soát 60A-014.68 nhãn hiệu Toyota Camry 2.0E màu sơn đen, số khung ACV41-0544905, số máy 1AZ E215795, kèm theo 01 chìa khoá, 01 giấy đăng ký xe ô tô số 014833 ngày 03/6/2011 mang tên Trần Minh H; 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro màu đen và 01 điện thoại Iphone 14 Pro màu đen.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc T, Phan Văn T1, Phan Văn T2, về biện pháp tư pháp khác, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/10/2024, bị cáo Trần Minh H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đề nghị trả lại chiếc xe ô tô cho gia đình bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và trả lại chiếc xe ô tô mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước để trả lại cho gia đình bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội “Đưa hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự với mức hình phạt 09 tháng tù là tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Đối với xe ô tô không phải là phương tiện phạm tội của bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, tuyên trả xe ô tô biển kiểm soát 60A-014.68 nhãn hiệu Toyota Camry 2.0E màu sơn đen cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 09 tháng tù là nặng. Đối với chiếc xe ô tô không phải là phương tiện phạm tội của bị cáo mà xe ô tô do bị cáo trên đường đi làm về thì ghé đưa tiền cho bị cáo T, ngoài ra xe ô tô này là tài sản chung của vợ chồng bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại xe ô tô cho gia đình bị cáo.

- LỜI NÓI SAU CÙNG BỊ CÁO XIN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ CHẤP NHẬN KHÁNG CÁO CỦA BỊ CÁO.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Minh H làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo, kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Trần Quốc T là Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực tài chính kế toán của Sở Tài chính tỉnh Đ được phân công giám định tư pháp theo các Quyết định trưng cầu giám định và trưng cầu giám định bổ sung của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đ để giải quyết nguồn tin về tội phạm xảy ra trong lĩnh vực tài chính, ngân sách tại Trường Đại học Đ. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám định, T đã tiếp xúc, liên lạc và nhận tiền của Phan Văn T2, Trần Minh H và Phan Văn T1 (anh trai của T2) để thực hiện yêu cầu giám định theo hướng lợi cho giúp Phan Văn T2 và Trần Minh H. Theo đó, T đã ban hành các Kết luận giám định với kết quả công tác kế toán, thuế và việc thực hiện chi thanh toán cho các lớp chức danh nghề nghiệp của Trường Đại học Đ niên độ 2018 - 2019 không có vi phạm, không gây thất thoát và thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Trong các ngày 23/12/2022 và 22/02/2023, T1 đã đưa hai lần tổng cộng 20.000.000 đồng (mỗi lần 10.000.000 đồng cho T). Ngày 10/12/2022, T nhận của T2 5.000.000 đồng, các ngày 01 và 06/5/2023, T nhận của T2 hai lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, tổng cộng T2 đưa cho T 9.000.000 đồng. Ngày 15/01/2023, T nhận của H 10.000.000 đồng. Tổng số tiền T nhận hối lộ của T1, T2 và H là 39.000.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Trần Quốc T phạm tội “Nhận hối lộ” theo điểm đ khoản 2 Điều 354; các bị cáo Phan Văn T2, Phan Văn T1 phạm tội “Đưa hối lộ” theo khoản 2 Điều 364, bị cáo Trần Minh H phạm tội “Đưa hối lộ” theo điểm a khoản 1 Điều 364 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động giám định tư pháp, làm ảnh hưởng đến tiến độ và gây trở ngại cho cơ quan điều tra trong việc phát hiện đấu tranh, phòng chống tội phạm. Các bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân vẫn cố tình thực hiện hành vi đưa và nhận hối lộ để tác động trái pháp luật đến hoạt động đúng đắn của Giám định viên, ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan tiến hành giám định. Do đó, cần xử các bị cáo mức án nghiêm để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Minh H: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra bị cáo có nhiều thành tích trong quá trình công tác theo quy định tại điểm i, s, v khoản 1, khoản

2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Minh H 09 tháng tù là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới. Và như nêu trên, mức án Tòa sơ thẩm xử bị cáo là tương xứng nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với xe ô tô biển kiểm soát 60A-014.68 nhãn hiệu Toyota Camry 2.0E màu sơn đen, số khung ACV41-0544905, số máy 1AZ E215795, kèm theo 01 chìa khoá, 01 giấy đăng ký xe ô tô số 014833 ngày 03/6/2011 mang tên Trần Minh H: Theo hồ sơ vụ án thể hiện ngày 15/01/2023, bị cáo H lái xe ô tô này đến điểm hẹn khu vực đối diện cổng chính Sở Tài chính tỉnh Đ để gặp bị cáo T và đưa hối lộ cho bị cáo T số tiền 10.000.000 đồng. Theo đó, xe ô tô biển kiểm soát 60A-014.68 là phương tiện để bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tịch thu xung công quỹ Nhà nước là đúng quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Việc bị cáo H kháng cáo xin lại xe ô tô nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo H phải chịu 200.000 đồng theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Trần Quốc T, Phan Văn T2, Phan Văn T1, về biện pháp tư pháp khác và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Minh H; Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 206/2024/HS-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Tuyên bố bị cáo Trần Minh H phạm tội “Đưa hối lộ”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 364; điểm i, s, v khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Trần Minh H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Sung công quỹ Nhà nước 01 xe ô tô biển kiểm soát 60A-014.68 nhãn hiệu Toyota Camry 2.0E màu sơn đen, số khung ACV41-0544905, số máy 1AZ E215795, kèm theo 01 chìa khoá, 01 giấy đăng ký xe ô tô số 014833 ngày 03/6/2011 mang tên Trần Minh H; 01 điện thoại di động Iphone 11 Pro màu đen và 01 điện thoại Iphone 14 Pro màu đen.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Minh H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tửu

Phan Đức Phương

Lê Thị Tuyết Trinh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai (2b);
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- TTG Công an tỉnh Đồng Nai;
- (để tổng đạt cho bị cáo Hùng) (2);
- Lưu VT (5), HS (2) 16B (An-TMH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết Trinh

